

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2024/HS-ST
Ngày: 06/02/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Hiệu
Thẩm phán: Ông Bùi Đăng Huy
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hoàn
Bà Dương Thị Kim Hồng
Bà Phạm Thị Thà

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Duy Thới - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 83/2023/TLST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2024/HSST-QĐ ngày 16 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1978 tại thành phố Hải Phòng; nơi đăng ký thường trú: Tổ A, phường L, quận K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình K và bà Phạm Thị N; có vợ và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 950/2023/HS-PT ngày 18/12/2023, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xử phạt Đ 03 năm tù về tội Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới; bị tạm giam từ ngày 11/10/2023 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh H; có mặt.

Người bào chữa: Luật sư Phan Thị Bình M - Văn phòng L3, Đoàn luật sư tỉnh H; địa chỉ: Số C N, thành phố H, tỉnh Hải Dương; có mặt

- Bị hại: Anh Phạm Minh L, sinh năm 1986; địa chỉ: Số nhà C chung cư N, phường P, thành phố H, tỉnh Hải Dương; có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Vũ Chí H, sinh năm 1973; địa chỉ: Số C M, quận L, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

+ Chị Hoàng Thị D (M), sinh năm 1982; nơi cư trú hiện tại: Số B H, phường Ô, quận Đ, thành phố Hà Nội; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Chị Lê Thanh H1, sinh năm 1985; vắng mặt

+ Chị Đinh Thị N1, sinh năm 1976; vắng mặt

+ Chị Đinh Thị Hải V, sinh năm 1980; có mặt

+ Anh Tấn Minh K1, sinh năm 1995; vắng mặt

+ Anh Vũ Trọng T, sinh năm 1994; vắng mặt

+ Chị Lê Thị Ngọc H2, sinh năm 1982; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 08/4/2022, Đinh Hải Y, sinh năm 1988 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh H khởi tố, bắt tạm giam về tội Tổ chức đánh bạc và Đánh bạc tại Trại tạm giam Công an tỉnh H. Ngày 27/3/2023, Đinh Thị Hải Y1 đã bị kết án 05 năm 09 tháng tù, kể từ ngày 20/4/2022.

Do mong muốn vợ được tại ngoại và sau này xét xử được hưởng án treo nên chồng Y1 là anh Phạm Minh L nói chuyện với chị Đinh Thị N1, sinh năm 1976, trú tại: thị trấn N, huyện N, tỉnh Hải Dương (là chị ruột của Y1) nhờ người giúp đỡ. Chị N1 đã giới thiệu anh L liên hệ với bạn là chị Lê Thanh H1, sinh năm 1985, trú tại tổ I, phường L, quận L, thành phố Hà Nội. Qua chị H1, anh L biết và liên hệ với Nguyễn Minh Đ, được Đ thông tin có nhiều mối quan hệ, có thể “lo việc” cho Y1 được tại ngoại và hưởng án treo.

Từ ngày 18/4/2022 đến ngày 24/5/2022, Đ đã gọi điện thoại từ số 0925.499.999 của Đ cho chị H1, bảo chị H1 thông báo cho anh L chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng V1 số 0031001034046 của Đ để lo chạy tại ngoại và án treo cho Y1. Cụ thể:

Ngày 18/4/2022, Đ yêu cầu anh L chuyển 50.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng của mình. Anh L nhờ chị Đinh Thị Hải V, sinh năm 1980, trú tại: khu C, thị trấn N, huyện N, tỉnh Hải Dương (là chị ruột của Y1) sử dụng tài khoản ngân hàng L4 số “034968050001” chuyển 50.000.000 đồng vào tài khoản của Đ.

Ngày 25/4/2022, Đ yêu cầu anh L chuyển 300.000.000 đồng. Anh L đưa 300.000.000 đồng nhờ bạn là anh Tấn Minh K2, sinh năm 1995, trú tại thôn K, xã A, huyện B, tỉnh Lào Cai nộp 300.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng T5 số “19036070880011” của anh K2, rồi chuyển đến tài khoản của Đ.

Ngày 08/5/2022, Đ yêu cầu anh L chuyển 100.000.000 đồng, anh L sử dụng tài khoản ngân hàng V1 số “0341006868690” chuyển 100.000.000 đồng đến tài khoản ngân hàng của Đ.

Ngày 09/5/2022, Đ yêu cầu anh L chuyển tiếp 100.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng của Đ, anh L sử dụng tài khoản ngân hàng V1 số “0341006868690” chuyển 100.000.000 đồng đến tài khoản ngân hàng của Đ.

Sau khi chuyển cho Đ 550.000.000 đồng, anh L hỏi về tổng chi phí lo tại ngoại và án treo cho Y1, thì được Đ nói “chuyển tiếp khoảng 400.000.000 đồng nữa là xong”. Trong các ngày 19/5/2022 và ngày 24/5/2022, theo yêu cầu của Đ, anh L sử dụng tài khoản ngân hàng V1 số “0341006868690” chuyển khoản 400.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng của Đ.

Sau khi nhận của anh L tổng 950.000.000 đồng, Đ không thực hiện cam kết với anh L mà chiếm đoạt số tiền trên để sử dụng chi tiêu cá nhân và trả nợ, cụ thể: Từ ngày 18/4/2022 đến ngày 26/5/2022, Đ sử dụng tài khoản ngân hàng V1 số “0341006868690” chuyển đến 13 tài khoản: Tài khoản ngân hàng M1 số “0810121368888” của Bùi Thanh Q, sinh năm 1977, trú tại A H, quận B, thành phố Hà Nội 9.960.000 đồng trả tiền mua rượu; tài khoản ngân hàng T5 số “19036856902019” của Phạm Văn L1, sinh năm 1988, trú tại lô B, khu đô thị T, xã C, huyện T, thành phố Hà Nội 33.000.000 đồng trả tiền mua loa; tài khoản ngân hàng V1 số “0011001314605” của Trần Thị L2, sinh năm 1984, trú tại thôn V, xã V, huyện Đ, thành phố Hà Nội 22.430.000 đồng trả tiền mua hải sản; tài khoản ngân hàng S số “030000255439” của Vũ Chí H, sinh năm 1973, trú tại 39/97, M, quận L, thành phố Hải Phòng 200.000.000 đồng trả nợ; tài khoản ngân hàng V2 số “101000615080” của Mai Thanh P, sinh năm 1990, trú tại C Chợ H, phường D, quận L, thành phố Hải Phòng 15.000.000 đồng trả tiền công vận chuyển hàng hóa; tài khoản ngân hàng S số “030066455188” của Thái Thanh T1, sinh năm 1983, trú tại 1 T, phường N, quận L, thành phố Hải Phòng 16.972.000 đồng trả tiền mua tủ bếp; tài khoản ngân hàng Á1 (A) số “246730759” của Nguyễn Văn T2, sinh năm 1975, trú tại 8 T, phường T, quận L, thành phố Hải Phòng 10.000.000 đồng trả tiền mua điều hòa; tài khoản ngân hàng M1 số “9966919919919” của Phan Văn N2, sinh năm 1990, trú tại B N, phường D, quận L, thành phố Hải Phòng 56.000.000 đồng trả tiền mua đồ gỗ; tài khoản ngân hàng V2 số “0988991199” của Nguyễn Hữu H3, sinh năm 1990, trú tại A T, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn 10.000.000 đồng trả tiền mua quần áo; tài khoản ngân hàng M1 số “0730131668668” của Hoàng Thị D (M), sinh năm 1982, trú tại tổ C, phường T, quận C, thành phố Hà Nội 35.000.000 đồng trả nợ; tài khoản ngân hàng M1 số “1975456789” của Đoàn Viết Á, sinh năm 1984, trú tại xóm G, xã H, huyện C, thành phố Hải Phòng 54.600.000 đồng trả tiền mua nội thất; tài khoản ngân hàng V1 số “1025163927” của Thái Thị N3, sinh năm 1990, trú tại xã Đ, huyện L, tỉnh Hà Nam 8.700.000 đồng trả tiền mua hàng tạp hóa; tài khoản ngân hàng của chị Bùi Thị H4, sinh năm 1986, trú tại số B khu P, KĐT V, phường T, quận H, TP Hải Phòng 12.000.000 đồng trả tiền mua khô mực.

Ngoài ra Đ còn chuyển khoản đến 08 tài khoản nhưng chủ tài khoản vắng mặt tại địa phương nên chưa làm rõ được nội dung chuyển tiền gồm: chuyển 19.800.000 đồng đến tài khoản ngân hàng M1 số “8383838883838” đứng tên Lê Xuân G, sinh năm 1994, trú tại xã M, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; chuyển

50.000.000 đồng đến tài khoản ngân hàng M1 số “280519916789” đứng tên Ngô Văn Đ1, sinh năm 1991, trú tại xóm A, xã T, huyện X, tỉnh Nam Định; chuyển 20.000.000 đồng đến tài khoản ngân hàng M1 số “6680166866789” đứng tên Nguyễn Văn B, trú tại xã H, huyện Đ, thành phố Hà Nội; chuyển 9.500.000 đồng đến tài khoản ngân hàng M1 số “9966919919919” đứng tên Nguyễn Văn T3, trú tại xã H, huyện Đ, thành phố Hà Nội; chuyển 13.900.000 đồng đến tài khoản ngân hàng T5 số “19035987111010” đứng tên Vũ Duy H5, trú tại xã H, huyện Đ, thành phố Hà Nội; chuyển 30.000.000 đồng đến tài khoản ngân hàng T5 số “19035438179010” đứng tên Nguyễn Thị T4, sinh năm 1985, trú tại xã Y, huyện Y, tỉnh Yên Bái; chuyển 27.000.000 đồng đến tài khoản ngân hàng V1 số “0441000660995” đứng tên Đoàn Thị Bảo B1, sinh năm 1987, trú tại ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai; chuyển 6.000.000 đồng đến tài khoản ngân hàng V3 số “122487091” đứng tên Phạm Thúy N4, sinh năm 1981, trú tại tổ A, cụm D, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng. Đ chuyển đến tài khoản ngân hàng V1 số “0031000157920” của vợ là chị Lê Thị Ngọc H2, sinh năm 1982, trú tại: tổ A, phường L, quận K, thành phố Hải Phòng 147.000.000 đồng để chi tiêu sinh hoạt gia đình, còn lại Đ chi tiêu cá nhân.

Tại Cáo trạng số 90/CT-VKS-P1 ngày 29/11/2023, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo Nguyễn Minh Đ tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 56 Bộ luật Hình sự; tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh Đ phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; xử phạt bị cáo từ 12 năm đến 13 năm tù, tổng hợp với hình phạt 03 năm tù bị cáo phải chấp hành theo Bản án hình sự phúc thẩm số 950/2023/HS-PT ngày 18/12/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung từ 15 năm đến 16 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 11/10/2023 được trừ thời gian tạm giam từ ngày 16/9/2022 đến ngày 09/01/2023; về hình phạt bổ sung: Không áp dụng; về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại 900.000.000 đồng; về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo khai nhận hành vi như trên, xác định đã tác động để gia đình khắc phục một phần số tiền chiếm đoạt cho bị hại và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Người bào chữa: Đồng ý về tội danh, điều luật, các giảm nhẹ mà Viện kiểm sát truy tố và luận tội đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội từ 02 lần trở lên đối với bị cáo và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị hại đề nghị xử bị cáo theo quy định của pháp luật. Về trách nhiệm dân sự: Xác nhận gia đình bị cáo đã trả cho bị hại 50.000.000 đồng; yêu cầu người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan mà bị cáo trả nợ phải hoàn trả lại cho bị hại số

tiền đã nhận của bị cáo và yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền còn lại bị cáo đã chiếm đoạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan điều tra, truy tố trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 4 đến tháng 5/2022, Nguyễn Minh Đ đã đưa ra thông tin gian dối về việc Đ có thể giúp được vợ anh Phạm Minh L, sinh năm 1986, trú tại thị trấn N, huyện N, tỉnh Hải Dương là chị Đinh Hải Y1 bị khởi tố, bắt tạm giam về tội Tổ chức đánh bạc và Đánh bạc được tại ngoại và hưởng án treo. Do tin tưởng Đ nên từ ngày 18/4/2022 đến ngày 24/5/2022, anh L đã chuyển cho Đ tổng cộng 950.000.000 đồng. Đ đã chiếm đoạt số tiền này của anh L để trả nợ và chi tiêu cá nhân. Hành vi của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của bị hại. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bản thân không có khả năng giúp cho vợ của anh L được tại ngoại và hưởng án treo nhưng vẫn đưa ra thông tin sai sự thật về khả năng của bản thân, làm anh L tin tưởng giao tài sản cho bị cáo chiếm đoạt. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo là có căn cứ.

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo nhiều lần nhận tiền của bị hại nhưng trên cơ sở 01 lần dùng thủ đoạn gian dối đối với bị hại nên không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự Phạm tội từ 02 lần trở lên như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo; bị cáo đã bồi thường 50.000.000 đồng cho bị hại; bị cáo có bố đẻ được Thủ tướng Chính phủ tặng Kỷ niệm chương chiến sĩ cách mạng bị địch bắt tù, đày nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4]. Về nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự nhưng nhân thân đã bị Tòa án xét xử về tội Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới.

[5]. Về hình phạt: Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời

gian để trừng trị, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 950/2023/HS-PT ngày 18/12/2023 Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xử phạt bị cáo 03 năm tù về tội Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới, thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt đối với bị cáo. Thời gian bị cáo đã bị tạm giam trong vụ án Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt chung. Bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự:

[6.1] Bị cáo chiếm đoạt của anh L tổng là 950.000.000 đồng trong đó bị cáo đã chuyển 200.000.000 đồng cho ông Vũ Chí H và 35.000.000 đồng cho chị Hoàng Thị D (M) để trả nợ. Theo quy định tại Điều 167 Bộ luật Dân sự, trường hợp này chủ sở hữu tài sản có quyền đòi lại số tiền trên từ những người mà bị cáo trả nợ. Căn cứ Điều 167, Điều 579, Điều 580, Điều 582 Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử cần buộc những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được bị cáo trả nợ phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho bị hại số tiền mà bị cáo chiếm đoạt. Quan hệ vay nợ giữa bị cáo và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan do các bên tự thỏa thuận giải quyết, nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật. Trong quá trình điều tra, bị cáo đã tác động để gia đình bồi thường cho bị hại 50.000.000 đồng; đối trừ với những khoản trên, buộc bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho bị hại 665.000.000 đồng.

[6.2] Đối với đồ vật, tài sản Đ mua từ số tiền chiếm đoạt của anh L (điều hòa, loa, nội thất...) đã hư hỏng và bán cho người khác, Đ không nhớ bán cho ai; số tiền Đ đã chuyển cho một số người để trả tiền mua đồ và chuyển cho chị H2 (vợ Đ) để chi tiêu, sinh hoạt gia đình, hiện chị H2 đã chi tiêu hết. Căn cứ Điều 133 Bộ luật Dân sự thì những người này không phải hoàn trả hay bị tịch thu tài sản để trả cho bị hại.

[7]. Về án phí: Bị cáo bị kết tội và phải bồi thường nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[8]. Vấn đề khác: Đối với chị Lê Thanh H1 và những người nhận tiền từ Đ không biết nguồn gốc tiền do Đ dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tiền của anh L mà có; không bàn bạc, thống nhất với Nguyễn Minh Đ nên không đồng phạm với Nguyễn Minh Đ.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về áp dụng pháp luật: Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, điểm b khoản 1 Điều 46, Điều 47, khoản 1 Điều 48, Điều 56 Bộ luật Hình sự; Điều 167, Điều 579, Điều 580, Điều 582 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

2. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh Đ phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

3. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh Đ 12 năm 06 tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 03 (ba) năm tù bị cáo phải chấp hành theo Bản án hình sự phúc thẩm số 950/2023/HS-PT ngày 18/12/2023 của Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội về tội Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới, buộc Nguyễn Minh Đ phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 15 năm 06 tháng tù, được trừ thời gian tạm giam từ 16/9/2022 đến 09/01/2023 (03 tháng 24 ngày) trong vụ án Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới, bị cáo còn phải chấp hành 15 năm 02 tháng 06 ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 11/10/2023.

4. Về trách nhiệm dân sự:

4.1. Buộc bị cáo Nguyễn Minh Đ phải bồi thường cho anh Phạm Minh L 665.000.000 đồng (sáu trăm sáu mươi lăm triệu đồng).

4.2. Buộc ông Vũ Chí H phải hoàn trả cho anh Phạm Minh L 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng); buộc chị Hoàng Thị D (M) phải hoàn trả cho anh Phạm Minh L 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng).

4.3. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Minh Đ phải chịu 200.000 đồng án hình sự sơ thẩm và 30.600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án về nội dung liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - TANDTC;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- Trại tạm giam CA tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan CSĐT - CA tỉnh Hải Dương;
- Phòng HSNV- CA tỉnh Hải Dương;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- Sở tư pháp TP. Hải Phòng;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu: HSYA, THS, VP.

Trần Hữu Hiệu